TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2024/HC-PT
Ngày 16 tháng 5 năm 2024
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 1135/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1155/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1977 – Có mặt;

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

2. Người bị kiện:

2.1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận**;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận: Ông Trương Minh Hoàng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận:

- Luật sư Lê Văn Long, Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia tỉnh Bình Thuận – Có mặt;

- Ông Đỗ Quang Huy Hòa, Thanh tra viên Phòng Nghiệp vụ 2 Thanh tra Nhà nước tỉnh Bình Thuận – Có mặt;

2.2. **Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân**, tỉnh Bình Thuận;

2.3. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân**, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân: Ông Hà Lê Thanh Chung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân:

- Ông Phan Liên, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hàm Tân – Có mặt;

- Bà Trần Thiện Ánh Nga, Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Tân – Có mặt;

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân ban hành Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 (Viết tắt là Quyết định số 1555) thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị N diện tích 1.027,4 m^2 đất nông nghiệp tại Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 và Thửa đất số 30, Tờ bản đồ số 03 để thực hiện Dự án xây dựng đường bộ cao tốc đoạn Phan Thiết – Dầu Giây qua địa bàn huyện Hàm Tân; ban hành Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà N tổng số tiền 281.240.820 đồng. Bà N khiếu nại về diện tích và mức bồi thường thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân ban hành Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 (Viết tắt là Quyết định số 361) điều chỉnh Quyết định số 1555, diện tích đất thu hồi từ 1.027,4 m^2 tăng lên thành 1.173,1 m^2 (tăng 145,7 m^2) và ban hành Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 (Viết tắt là Quyết định số 2040) bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà N là 39.323.010 đồng, Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 (Viết tắt là Quyết định số 2042) bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường QL 55 vào sâu 40m) cho bà N số tiền là 241.686.450 đồng. Sau đó, ban hành Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 (Viết tắt là Quyết định số 485) điều chỉnh Quyết định số 361, diện tích đất thu hồi từ 1.173,1 m^2 tăng lên thành 1.441,3 m^2 (tăng 268,2 m^2 tại Thửa đất số 13) và ban hành Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 (Viết tắt là Quyết định số 26) bồi thường, hỗ trợ bổ sung số tiền là 66.862.260 đồng.

Bà N khiếu nại các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ gồm: Quyết định số 1555, Quyết định số 361, Quyết định số 485, Quyết định số 2372, Quyết định số 3829, Quyết định số 2040, Quyết định số 2042, Quyết định số 26

và đồng thời khiếu nại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 (Viết tắt là Quyết định số 99) của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân về bồi thường, hỗ trợ cho chồng của bà N là ông Ngô Minh S khi thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Quốc lộ 55 nối dài.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 (Viết tắt là Quyết định số 1479) giải quyết khiếu nại của bà N (lần đầu), chỉ chấp nhận hỗ trợ khen thưởng là 15.000.000 đồng; các nội dung khiếu nại khác thì không xem xét.

Bà N tiếp tục khiếu nại Quyết định số 1479, khiếu nại việc quy chủ diện tích 462,5 m^2 cho bà Trương Ái L và kiến nghị việc đơn vị thi công san ủi mặt bằng gây thiệt hại tài sản của bà N.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 (Viết tắt là Quyết định số 2289) giải quyết khiếu nại của bà N (lần hai), chỉ chấp nhận khiếu nại áp giá bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm thu hồi đất, thu hồi bổ sung tại Quyết định số 361, điều chỉnh diện tích thu hồi (tăng 145,7 m^2); các nội dung khiếu nại khác thì xác định không có cơ sở giải quyết.

Bà N nhận thấy việc áp giá bồi thường đối với diện tích tăng thêm 145,7 m^2 và diện tích thu hồi bổ sung 268,2 m^2 là không đúng thời điểm thu hồi đất, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013, vì tại thời điểm thu hồi đất Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 đã hết hiệu lực, nên hai diện tích đất này phải được bồi thường mức giá theo Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 mới đúng. Việc quy chủ diện tích 462,5 m^2 cho bà L là không đúng vì đất của bà với đất của bà L được phân định bởi con mương do bà L đào trên đường xe bò cũ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N thể hiện Thửa đất số 41, Tờ bản đồ số 58, diện tích 1.113 m^2 thể hiện cạnh phía Tây giáp mương nhưng nay lại xác định diện tích 261,2 m^2 quy chủ cho bà L nằm tiếp giáp với diện tích 1.189,4 m^2 của bà N bị thu hồi là mâu thuẫn, không có căn cứ. Thực tế trong diện tích 462,5 m^2 có diện tích 261,2 m^2 từ trước đến nay do bà N quản lý, sử dụng nên phải quy chủ cho bà N; Quyết định số 1479 chỉ hỗ trợ khen thưởng mà không xem xét các yêu cầu chính đáng khác là không đúng; Quyết định số 2289 chỉ bồi thường diện tích 145,7 m^2 theo giá đất Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019, còn diện tích 268,2 m^2 thì bồi thường theo giá đất Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 là không đúng và không quy chủ diện tích 261,4 m^2 cho bà N là không đúng.

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định: Quyết định số 2289, Quyết định số 1479, Quyết định số 2040, Quyết định số 2042 và Quyết định số 26.

Tại Công văn số 738/UBND-Ttra ngày 15/3/2023 và lời trình bày tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân trình bày:

Diện tích đất của bà N bị thu hồi là đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn, nên được xác định bằng giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 cùng vùng, là đúng theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Do không có đất để bồi thường, nên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đã ban hành Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 và Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 phê duyệt giá đất cụ thể, là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

Việc bồi thường thiệt hại tài sản trên đất bị thu hồi (nhà cửa, vật kiến trúc, cây trái, hoa màu) đã được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 và Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận;

Về các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đã được thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận: Hộ bà N đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 2,5 lần mức hỗ trợ đời sống và sản xuất; Hộ bà N không thuộc đối tượng được hưởng các khoản hỗ trợ còn lại; Riêng khoản hỗ trợ khác (khen thưởng) thì Trung tâm phát triển quỹ đất đang lập hồ sơ trình duyệt bổ sung.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà N đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật, có Thông báo thu hồi đất; thực hiện việc kiểm kê, kiểm đếm; xác định tính pháp lý nguồn gốc sử dụng đất; xây dựng, thẩm định, phê duyệt và niêm yết Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Hội đồng bồi thường đã 03 lần thông báo (Thông báo số 501/TB-HĐBT ngày 12/11/2019, Thông báo số 566/TB-HĐBT ngày 25/11/2019 và Thông báo số 660/TB-HĐBT ngày 10/12/2019) nhưng bà N không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng bồi thường đã ban hành Thông báo số 219/TB-HĐBT ngày 15/4/2020 gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của bà N vào Kho bạc Nhà nước huyện Hàm Tân, số tiền 281.240.820 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 điều chỉnh Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân từ diện tích thu hồi là 1.027,4 m^2 lên thành 1.173,1 m^2, tăng 145,7 m^2. Sau đó, ban hành Quyết định số 2040 bồi thường bổ sung số tiền 39.323.010 đồng; đồng thời do hệ số giá đất được điều chỉnh theo Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, nên Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân ban hành Quyết định số 2042 bồi thường bổ sung số tiền là 241.686.450 đồng.

Hội đồng bồi thường đã 03 lần thông báo (Thông báo số 122/TB-HĐBT ngày 29/9/2021, Thông báo số 144/TB-HĐBT ngày 09/10/2021 và Thông báo số 152/TB-HĐBT ngày 19/10/2021) nhưng bà N không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng bồi thường đã ban hành Thông báo số 162/TB-HĐBT ngày 04/11/2021 gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của bà N vào Kho bạc Nhà nước huyện Hàm Tân, số tiền 562.250.280 đồng.

Bà N có khiếu nại về diện tích thu hồi. Qua kiểm tra, Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân ban hành Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 điều chỉnh Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 24/9/2021, điều chỉnh diện tích đất của bà N bị thu hồi từ 1.173,1 m^2 lên thành 1.441,3 m^2, tăng 268,2 m^2 và ban hành Quyết định số 26 bồi thường bổ sung diện tích tăng thêm với số tiền là 66.862.260 đồng.

Hội đồng bồi thường đã 03 lần thông báo (Thông báo số 25/TB-HĐBT ngày 17/01/2022, Thông báo số 32/TB-HĐBT ngày 14/02/2022 và Thông báo số 39/TB-HĐBT ngày 24/02/2022) nhưng bà N không đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng bồi thường đã ban hành Thông báo số 40/TB-HĐBT ngày 12/3/2022 gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của bà N vào Kho bạc Nhà nước huyện Hàm Tân, số tiền 66.862.260 đồng.

Như vậy, tổng diện tích của bà N bị thu hồi là 1.441,3 m^2 và số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổng cộng là 629.112.540 đồng. Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 2013.

Đối với phần diện tích 268,2 m^2 thu hồi của ông Trần Vĩ Đ và bà Trương Ái L, Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân xác minh và đã ban hành Quyết định số 485 điều chỉnh diện tích đất của bà N bị thu hồi từ 1.173,1 m^2 lên thành 1.441,3 m^2, tăng 268,2 m^2 và bồi thường tại Quyết định số 26 xong.

Đối với phần diện tích 145,7 m^2 thì vào năm 2012 đã thu hồi của chồng bà N là ông Ngô Minh S 334,9 m^2 để làm đường Quốc lộ 55, đã bồi thường cho ông S 189,2 m^2, còn lại 145,7 m^2 thì Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân đã ban hành Quyết định số 361 điều chỉnh diện tích đất của bà N bị thu hồi từ 1.027,4 m^2 lên thành 1.173,1 m^2, tăng 145,7 m^2 và bồi thường tại Quyết định số 2040 và Quyết định số 2042 xong.

Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận trình bày:

Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà N đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc bà N yêu cầu bồi thường diện tích 462,5 m^2 đã quy chủ cho bà Trương Ái L là không có cơ sở vì phần diện tích này nằm trong diện tích đất Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) đã giao cho cho bà L tại Quyết định số

1171/QĐ ngày 17/12/1991. Các cơ quan chức năng đã xác minh thực địa và xác định trong diện tích bà N chỉ ranh 462,5 m^2 thì có 201,4 m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 053402 của ông Trần Vĩ Đ và bà Trương Ái L, phần còn lại diện tích 261,1 m^2 tiếp giáp đất của bà N nhưng không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N và cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Do đó, không có căn cứ để quy chủ cho bà N diện tích 462,5 m^2 này.

Đối với nội dung bà N kiến nghị can thiệp để đơn vị thi công bồi thường do san lấp mặt bằng làm mất hiện trạng đất không thuộc đối tượng khiếu nại hành chính, đề nghị bà N liên hệ đơn vị thi công để được giải quyết.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2289 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 và Quyết định số 09/2023/QĐ-TA ngày 10/10/2023 sửa chữa, bổ sung bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 khoản 3 Điều 116, điểm b Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; các điều: 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Hủy bỏ một phần Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N (lần 2);

2. Hủy bỏ một phần Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

3. Hủy Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân về việc bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ bà Nguyễn Thị N;

4. Hủy Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân về việc bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp dường Quốc lộ 55 vào sâu 40 m) cho hộ bà Nguyễn Thị N;

5. Hủy Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân về việc bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ bà Nguyễn Thị N;

6. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân bồi thường cho bà diện tích 462,5 m^2 đã quy chủ cho bà Trương Ái L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu quy chủ và bồi thường cho bà diện tích 462,5 m^2, vì nguồn gốc đất do bà nhận chuyển nhượng của bà T bằng giấy tay giáp ranh trại bò, bà đã khiếu nại diện tích này từ năm 2019 nhưng cơ quan chức năng của huyện không đo vẽ xác minh thực tế, bà khiếu nại nhiều lần, mãi cho đến năm 2022 công trình đã san lấp mặt bằng không còn cọc mốc, không xác định được thì mới được xác minh thực địa và kết luận diện tích đất này không phải của bà và cho rằng do bà L sử dụng trồng cây, nhưng Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân không có chứng cứ gì để chứng minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân trình bày: Sau khi xác minh đã xác định trong diện tích bà N khiếu nại 462,5 m^2 thì có 201,54 m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L, còn lại 261,1 m^2 chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, nhưng bà L là người trồng cây trên đất. Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N chỉ có 1.113 m^2 nhưng bà N đã được bồi thường đến 1.441,3 m^2 là thừa diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N, nên không đồng ý kháng cáo của bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận trình bày: Thống nhất lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân. Nội dung kháng cáo của bà N không thuộc phạm vi vụ án hành chính, mà thuộc lĩnh vực tranh chấp dân sự nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ tham gia

phiên tòa, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện đối với các quyết định hành chính trong thời hạn chưa quá 01 năm, kể từ ngày nhận được quyết định bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu quy chủ và bồi thường cho bà diện tích 462,5 m^2. Thấy rằng: Bản đồ hiện trạng khu đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Kỹ Thuật Thương mại Thuận Bình, Ủy ban nhân dân xã Sông Phan, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hàm Tân và Thanh tra huyện Hàm Tân thực hiện ngày 29/3/2022 đã xác định trong diện tích 462,5 m^2 có diện tích 201,4 m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 053402 ngày 06/02/2005 của ông Trần Vĩ Đ và bà Trương Ái L và còn lại 261,1 m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và cũng không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 147584 ngày 17/9/2018 của bà Nguyễn Thị N, nên không có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân quy chủ và bồi thường cho bà N diện tích 462,5 m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các tài liệu bà N xuất trình cũng chưa đủ căn cứ xác định phần diện tích 462,5 m^2 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

Trong trường hợp bà N có tranh chấp quyền sử dụng 462,5 m^2 đất với người khác, thì có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với Quyết định số 2289, Quyết định số 1479, Quyết định số 2040, Quyết định số 2042; về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân quy chủ và bồi thường cho bà N diện

tích 462,5 m^2; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 106/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0020617 ngày 24/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với Quyết định số 2289, Quyết định số 1479, Quyết định số 2040, Quyết định số 2042; về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật; về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTA (16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công